

Số: 481 /GPMT-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 18 tháng 03 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc ủy quyền tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính, kiểm tra, thẩm định hồ sơ về môi trường và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc bổ sung nội dung ủy quyền tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính, kiểm tra, thẩm định hồ sơ về môi trường và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xử lý bề mặt kim loại HSIEH YUAN Việt Nam - Bổ sung dây chuyền mạ anot nhôm tại KCN Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc của Công ty TNHH Hsieh Yuan Việt Nam;

Căn cứ Giấy xác nhận số 127/STNMT-CCBVM ngày 31/01/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc về việc xác nhận đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án xử lý bề mặt kim loại của Công ty TNHH Công nghệ Hsieh Yuan Việt Nam;

Căn cứ Giấy xác nhận số 768/GXN-STNMT ngày 31/3/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc về việc xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường Dự án xử lý bề mặt kim loại Hsieh Yuan Việt Nam - giai đoạn mở rộng của Công ty TNHH Công nghệ Hsieh Yuan Việt Nam tại KCN Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh về việc cấp giấy phép môi trường cho Cơ sở Nhà máy xử lý bề mặt kim loại Hsieh Yuan Việt Nam của Công ty TNHH Công nghệ Hsieh Yuan Việt Nam tại Khu công nghiệp Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc tại Tờ trình số 57/TTr-STNMT ngày 28/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Công nghệ Hsieh Yuan Việt Nam (Địa chỉ: Khu công nghiệp Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với cơ sở Nhà máy xử lý bề mặt kim loại Hsieh Yuan Việt Nam của Công ty TNHH Công nghệ Hsieh Yuan Việt Nam tại Khu công nghiệp Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy xử lý bề mặt kim loại Hsieh Yuan Việt Nam.

1.2. Địa điểm cơ sở: KCN Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (thuê lại một phần diện tích nhà xưởng dư thừa của Công ty TNHH Công nghiệp chính xác Việt Nam 1).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 2500406731, đăng ký lần đầu ngày 22/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/10/2022.

1.4. Mã số thuế: 2500406731

1.5. Loại hình sản xuất: Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

- Phạm vi: Cơ sở triển khai sản xuất với diện tích dự án 5.417,2 m² tại KCN Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (Thuê lại một phần diện tích nhà xưởng dư thừa của Công ty TNHH Công nghiệp chính xác Việt Nam 1).

- Quy mô của cơ sở: Cơ sở đã đi vào hoạt động trước thời điểm Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực, đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt ĐTM có tiêu chí môi trường như dự án nhóm I (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường).

- Công suất sản xuất của Cơ sở: Xử lý bề mặt các linh kiện, phụ tùng ô tô, xe máy và các loại linh kiện kim loại với quy mô khoảng 13,7 triệu sản phẩm/năm (tương đương 5.500 tấn sản phẩm/năm), bao gồm:

- + Mạ kẽm treo: 5,1 triệu sản phẩm/năm;
- + Mạ kẽm quay: 1,6 triệu sản phẩm/năm;
- + Mạ Cr cứng: 1,3 triệu sản phẩm/năm;
- + Mạ màu (son): 0,2 triệu sản phẩm/năm;
- + Mạ Zn-Ni: 5,5 triệu sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ

môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Công nghệ Hsieh Yuan Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Công nghệ Hsieh Yuan Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả thải chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường;

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn tới ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép môi trường, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của giấy phép: 07 năm kể từ ngày Giấy phép này được ký ban hành.

Giấy xác nhận số 127/STNMT-CCBVMT ngày 31/01/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc về việc xác nhận đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án xử lý bề mặt kim loại của Công ty TNHH Công nghệ Hsieh Yuan Việt Nam và Giấy xác nhận số 768/GXN-STNMT ngày 31/3/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc về việc xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường Dự án xử lý bề mặt kim loại Hsieh Yuan Việt Nam - giai đoạn mở rộng của Công ty TNHH Công nghệ Hsieh Yuan Việt Nam tại KCN Khai Quang,

thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT;
- CVP, các PCVP;
- Các sở, ngành: NN&MT, XD, Công Thương, BQL các KCN;
- Công an tỉnh;
- UBND thành phố Vĩnh Yên;
- Cổng Thông tin điện tử Vĩnh Phúc (Đăng tải);
- UBND phường Khai Quang;
- Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;
- Công ty TNHH Công nghệ Hsieh Yuan Việt Nam;
- CV: CN1, 2, 3;
- Lưu: VT, NN1.

(H-  b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Thị Kim Nga

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 481 /GPMT-UBND ngày 18 / 03 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở Nhà máy Xử lý bề mặt kim loại Hsieh Yuan Việt Nam của Công ty TNHH Công nghệ Hsieh Yuan không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (*Do nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Khai Quang, không xả ra môi trường*).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt mái của các công trình sẽ được thu gom vào phễu thu DN80 → máng thu D200 → đường ống thoát nước đứng ống kẽm Φ110 mm, sau đó chảy xuống các hố ga của hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà. Tuyến rãnh thoát nước thiết kế có kích thước B= 0,5 m; H= 0,6-0,7 m xây dựng dọc theo tuyến đường, từ đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của KCN Khai Quang.

1.2. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

a) *Nước thải sinh hoạt:* Do cơ sở sử dụng chung nhà vệ sinh và nhà ăn với Công ty TNHH Công nghiệp chính xác Việt Nam 1. Do đó toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên làm việc tại cơ sở sẽ được Công ty TNHH Công nghiệp chính xác Việt Nam 1 chịu trách nhiệm thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Công nghiệp chính xác Việt Nam 1 trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Khai Quang.

b) *Nước thải sản xuất:*

- Nước thải từ dây chuyền mạ Zn-Ni (trung bình khoảng 39 m³/ngày đêm) được thu gom bằng đường ống PVC D90 mm với chiều dài khoảng 40 m đến khu vực bể tập trung 1 sau đó sẽ được dẫn đến hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống PVC D48 mm với chiều dài khoảng 25 m.

- Nước thải từ dây chuyền tiền xử lý (trung bình khoảng 8 m³/ngày đêm) được thu gom bằng đường ống PVC D90 mm với chiều dài khoảng 14 m đến hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ dây chuyền mạ kẽm quay và sơn (trung bình khoảng 55 m³/ngày đêm) được thu gom bằng đường ống PVC D90 mm với chiều dài khoảng 30 m đến hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ dây chuyền mạ kẽm treo (trung bình khoảng 129 m³/ngày đêm) được thu gom bằng đường ống PVC D90 mm với chiều dài khoảng 60 m đến khu vực bể tập trung 3. Nước thải từ dây chuyền mạ Cr cứng (trung bình khoảng 30 m³/ngày đêm) cũng được thu gom bằng đường ống PVC D90 mm với chiều dài khoảng 23 m đến khu vực bể tập trung 3. Sau đó, nước thải từ khu vực bể tập trung 3 sẽ được dẫn đến hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống PVC D60 mm chiều dài khoảng 80 m.

- Nước thải từ hệ thống lọc nước DI (trung bình khoảng 10 m³/ngày đêm) được thu gom bằng đường ống PVC D27 mm dài 50 m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

- Ngoài ra, khoảng 3-6 tháng/lần, cơ sở sẽ thải bỏ toàn bộ lượng hóa chất ở một số bể hóa chất trong các dây chuyền mạ để thay thế bằng lượng hóa chất mới. Toàn bộ lượng hóa chất thải bỏ (trung bình khoảng 40 m³/lần) sẽ được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải sản xuất của cơ sở để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Khai Quang.

Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Khai Quang tại 01 điểm đầu.

1.3. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Công ty TNHH Công nghệ Hsieh Yuan Việt Nam đã xây dựng hoàn thiện 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 960m³/ngày đêm để xử lý toàn bộ lượng nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của cơ sở.

- Công nghệ xử lý:

+ Quy trình tiền xử lý: Nước thải Crom → Bể hoàn nguyên; nước thải Zn-Ni → Bể xử lý nước thải Zn-Ni + nước thải Ni + nước thải Zn + nước thải kiềm có Crom → Bể phản ứng gián đoạn.

+ Quy trình xử lý: Nước thải sau bể hoàn nguyên và bể phản ứng gián đoạn → Bể tổng hợp → Bể phản ứng → Bể điều chỉnh độ pH → Bể khuấy chậm → Bể cô lắng → Bể thoát nước ra môi trường → Hệ thống thoát nước chung của KCN Khai Quang.

- Hóa chất sử dụng: Na₂S₂O₅, Na₂S, NaOH, HCl, PAC, Polymer, Javen, Ca(OH)₂.

- Công nghệ xử lý: Xử lý hóa lý.

1.4. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường, được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành, ứng phó sự cố hỏng hóc thiết bị máy móc trong hệ thống xử lý nước thải.

- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao, các hóa chất xử lý để kịp

thời thay thế, sửa chữa khi xảy ra sự cố hồng học.

- Trường hợp nước thải vượt giới hạn cho phép: Người vận hành kiểm tra quy trình vận hành, các thiết bị của hệ thống để xác định nguyên nhân và khắc phục sự cố; nước thải được bơm quay vòng về bể tổng hợp để xử lý lại.

- Trong trường hợp thời gian khắc phục sự cố kéo dài, hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển nước thải đi xử lý đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Tạm dừng hoạt động để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Do hệ thống xử lý nước thải sản xuất của cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 768/GXN-STNMT ngày 31/3/2020 và hiện tại không có thay đổi so với giấy xác nhận đã được cấp. Vì vậy, căn cứ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm lại hệ thống xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Nghiêm túc chấp hành các quyết định và yêu cầu bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định trong quá trình hoạt động.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của KCN Khai Quang.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 481 /GP-UBND ngày 18 / 03 /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ dây chuyền tiền xử lý hàng xi mạ.
- Nguồn số 2: Khí thải phát sinh từ dây chuyền mạ kẽm quay.
- Nguồn số 3: Khí thải phát sinh từ dây chuyền mạ kẽm treo.
- Nguồn số 4: Khí thải phát sinh từ dây chuyền mạ Cr cứng.
- Nguồn số 5: Khí thải phát sinh từ dây chuyền mạ màu (son).
- Nguồn số 6: Khí thải phát sinh từ dây chuyền mạ Zn-Ni.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải, lưu lượng xả khí, phương thức xả khí thải, chất lượng khí thải

a) Dòng khí thải: Cơ sở có 07 dòng khí thải như sau:

- Dòng khí thải số 1: Dòng khí thải sau xử lý tại tháp xử lý khí thải công suất 21.600 m³/giờ của công đoạn tiền xử lý hàng xi mạ và tháp xử lý khí thải kiềm, axit công suất 10.800m³/giờ của dây chuyền mạ kẽm quay.
- Dòng khí thải số 2: Dòng khí thải sau xử lý tại tháp xử lý khí thải Zn công suất 33.000 m³/giờ của dây chuyền mạ kẽm quay.
- Dòng khí thải số 3: Dòng khí thải sau xử lý tại tháp xử lý số 1 công suất 40.000 m³/giờ của dây chuyền mạ kẽm treo.
- Dòng khí thải số 4: Dòng khí thải sau xử lý tại tháp xử lý số 2 công suất 40.000 m³/giờ của dây chuyền mạ kẽm treo.
- Dòng khí thải số 5: Dòng khí thải sau xử lý tại tháp xử lý khí thải công suất 7.200 m³/giờ của dây chuyền mạ Cr cứng.
- Dòng khí thải số 6: Dòng khí thải sau xử lý tại tháp xử lý khí thải công suất 6.000 m³/giờ của dây chuyền mạ màu (son).
- Dòng khí thải số 7: Dòng khí thải sau xử lý tại tháp xử lý khí thải công suất 42.000 m³/giờ của dây chuyền mạ Zn-Ni.

b) Vị trí xả khí thải:

TT	Vị trí xả khí thải	Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105 ⁰⁰ , múi chiều 3 ⁰)
1	Vị trí số 1: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải kiềm, axit công suất 10.800m ³ /giờ của dây chuyền mạ kẽm quay.	X = 2357651; Y = 564585

2	Vị trí số 2: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải Zn công suất 33.000m ³ /giờ của dây chuyền mạ kẽm quay.	X = 2357659; Y = 564595
3	Vị trí số 3: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải số 1 công suất 40.000m ³ /giờ của dây chuyền mạ kẽm treo.	X = 2357730; Y = 564617
4	Vị trí số 4: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải số 2 công suất 40.000m ³ /giờ của dây chuyền mạ kẽm treo.	X = 2357716; Y = 564608
5	Vị trí số 5: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải công suất 7.200m ³ /giờ của dây chuyền mạ Cr cứng.	X = 2357739; Y = 564609
6	Vị trí số 6: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải công suất 6.000m ³ /giờ của dây chuyền mạ màu (son).	X = 2357654; Y = 564630
7	Vị trí số 7: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải công suất 42.000m ³ /giờ của dây chuyền mạ Zn-Ni.	X = 2357677; Y = 564637

c) Lưu lượng xả khí, phương thức xả khí thải, chất lượng khí thải

- Lưu lượng xả thải khí thải lớn nhất: 200.600 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Liên tục.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Chất lượng khí thải của cơ sở trước khi thải vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải với lộ trình áp dụng như sau:

+ Bắt đầu từ khi được cấp giấy phép môi trường đến hết ngày 30/6/2025: Giá trị giới hạn tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong khí thải được xác định theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p=0,8, K_v=0,8) và QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Dòng khí thải	Chất ô nhiễm theo dòng khí thải	Giá trị giới hạn của chất ô nhiễm theo dòng khí thải (mg/Nm ³)		Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; K _p =0,8; K _v =0,8)	QCVN 20:2009/BTNMT		
1	Dòng khí thải số 1	Lưu lượng	-	-	- 03 tháng/lần đối với các chỉ tiêu HCl, NO _x , hơi H ₂ SO ₄ ; - 06 tháng/lần đối với các chỉ tiêu còn lại.	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định
		HCl	32	-		
2	Dòng khí thải số 2	Lưu lượng	-	-		
		Zn	19,2	-		
		NO _x	544	-		
3	Dòng khí thải số 3	Lưu lượng	-	-		
		Zn	19,2	-		
		NO _x	544	-		
4	Dòng khí thải số 4	Lưu lượng	-	-		
		HCl	32	-		
		Hơi H ₂ SO ₄	32	-		
5	Dòng khí	Lưu lượng	-	-		

	thải số 5	Hơi H ₂ SO ₄	32	-		số
		Lưu lượng	-	-		08/2022/
		Toluen	-	750		NĐ-CP)
6	Dòng khí thải số 6	Xylen	-	870		
		Benzen	-	5		
		n-butyl axetat	-	950		
7	Dòng khí thải số 7	Lưu lượng	-	-		
		Zn	19,2	-		
		HCl	32	-		

+ Từ ngày 01/7/2025: Giá trị giới hạn tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong khí thải được xác định theo QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột C - Bảng 1 và Bảng 2), cụ thể như sau:

TT	Dòng khí thải	Chất ô nhiễm theo dòng khí thải	Giá trị giới hạn của chất ô nhiễm theo dòng khí thải (mg/Nm ³)	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
1	Dòng khí thải số 1	Lưu lượng	-	-	03
		HCl	≤ 7	tháng/lần	Không
2	Dòng khí thải số 2	Lưu lượng	-	đối với các	thuộc đối
		Zn	≤ 8	chỉ tiêu	tượng phải
		NO _x	≤ 500	HCl, NO _x ,	quan trắc
				hơi H ₂ SO ₄ ;	bụi, khí
3	Dòng khí thải số 3	Lưu lượng	-	-	thải tự
		Zn	≤ 8	06	động, liên
		NO _x	≤ 500	tháng/lần	tục (theo
4	Dòng khí thải số 4	Lưu lượng	-	đối với các	quy định
		HCl	≤ 7	chỉ tiêu còn	tại khoản
		Hơi H ₂ SO ₄	≤ 25	lại.	2 Điều 98
5	Dòng khí thải số 5	Lưu lượng	-		Nghị định
		Hơi H ₂ SO ₄	≤ 25		số
		Lưu lượng	-		08/2022/
		Toluen	≤ 50		NĐ-CP)
6	Dòng khí thải số 6	Xylen	≤ 150		
		Benzen	≤ 5		
		n-butyl axetat	≤ 100		
7	Dòng khí thải số 7	Lưu lượng	-		
		HCl	≤ 7		
		Zn	≤ 8		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải phát sinh từ khu vực các bể tẩy nhiệt, tẩy axit của dây chuyền

tiền xử lý theo hệ thống đường ống dẫn khí bằng nhựa PP D250, D500, D600 với tổng chiều dài khoảng 10 m và dẫn vào tháp xử lý khí thải với công suất 21.600 m³/giờ. Khí thải sau xử lý tại đây sẽ được dẫn vào đường ống bằng nhựa PP D600 và D350 với chiều dài khoảng 29,4 m đầu nối vào ống thoát khí sau xử lý của tháp xử lý kiềm, axit công suất 10.800 m³/giờ của dây chuyền mạ Zn quay để xử lý.

- Khí thải từ các bể điện phân axit của dây chuyền mạ Zn quay được thu vào hệ thống đường ống bằng nhựa PP D400 và D500 với chiều dài khoảng 16,2 m dẫn về tháp xử lý khí thải kiềm, axit công suất 10.800 m³/giờ của dây chuyền mạ Zn quay để xử lý.

- Khí thải từ các bể tẩy nhiệt, bể điện phân dung dịch kiềm, bể mạ kẽm, bể tan kẽm, bể hoạt hóa HNO₃ của dây chuyền mạ Zn quay được thu gom vào các đường ống bằng nhựa PP D400, D600 và D800 với tổng chiều dài khoảng 33 m dẫn về tháp xử lý khí thải Zn công suất 33.000 m³/giờ của dây chuyền mạ Zn quay để xử lý.

- Khí thải từ các bể mạ Zn, bể tan kẽm, bể điện phân anot 2, bể hoạt hóa HNO₃ của dây chuyền mạ Zn treo được thu gom vào các đường ống bằng nhựa PP D500, D650, D750, D950 và D1000 với tổng chiều dài khoảng 29,5 m dẫn về tháp xử lý khí thải số 1 công suất 40.000 m³/giờ của dây chuyền mạ kẽm treo để xử lý.

- Khí thải từ các bể tẩy nhiệt, bể điện phân anot 1, bể điện phân H₂SO₄, bể tẩy gỉ của dây chuyền mạ Zn treo được thu gom vào các đường ống bằng nhựa PP D500, D650, D750, D850 và D1000 với tổng chiều dài khoảng 27,5 m dẫn về tháp xử lý khí thải số 2 công suất 40.000 m³/giờ của dây chuyền mạ kẽm treo để xử lý.

- Khí thải từ các bể tẩy nhiệt, bể điện phân cực âm, bể điện phân cực dương, bể trung hòa, bể mạ Cr và bể thu hồi Cr của dây chuyền mạ Crom cứng được thu gom vào các đường ống bằng nhựa PP D300, D400, D450, D550 với tổng chiều dài khoảng 35,5 m dẫn về hệ thống xử lý khí thải công suất 7.200 m³/giờ của dây chuyền mạ Cr cứng để xử lý.

- Khí thải từ các bể nhúng sơn và từ các máy sấy ly tâm của dây chuyền mạ màu được thu gom vào các đường ống bằng nhựa PP D400 với tổng chiều dài khoảng 4,5m dẫn về hệ thống xử lý khí thải công suất 6.000 m³/giờ của dây chuyền mạ màu để xử lý.

- Khí thải từ các bể điện phân, bể tẩy axit, bể hoạt hóa, bể mạ, bể thụ động của dây chuyền mạ Zn-Ni được thu gom vào các đường ống bằng nhựa PP D450, D600, D700, D950 và D1000 với tổng chiều dài khoảng 55 m dẫn về hệ thống xử lý khí thải công suất 700CMM (42.000 m³/giờ) của dây chuyền mạ Zn-Ni để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

a) Hệ thống xử lý khí thải công đoạn tiền xử lý hàng xi mạ

- Công nghệ xử lý: Khí thải → Chụp hút → Tháp hấp thụ → Quạt hút →

Ống thoát khí ra môi trường.

- + Số lượng: 01 hệ thống.
- + Công suất thiết kế: 21.600 m³/giờ.
- + Hóa chất sử dụng: Không sử dụng.

b) Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền mạ kẽm quay

- Tháp xử lý kiềm, axit:

+ Công nghệ xử lý: Khí thải → Chụp hút → Tháp hấp thụ → Quạt hút →

Ống thoát khí ra môi trường.

- + Công suất thiết kế: 10.800 m³/giờ.
- + Số lượng: 01 hệ thống.
- + Hóa chất sử dụng: Không sử dụng.

- Tháp Zn:

+ Công nghệ xử lý: Khí thải → Chụp hút → Tháp hấp thụ → Quạt hút →

Ống thoát khí ra môi trường.

- + Công suất thiết kế: 33.000 m³/giờ.
- + Số lượng: 01 hệ thống.
- + Hóa chất sử dụng: Không sử dụng.

c) Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền mạ kẽm treo

- Tháp kẽm treo số 1:

+ Công nghệ xử lý: Khí thải → Chụp hút → Tháp hấp thụ → Quạt hút →

Ống thoát khí ra môi trường.

- + Công suất thiết kế: 40.000 m³/giờ.
- + Số lượng: 01 hệ thống.
- + Hóa chất sử dụng: NaOH, HCl.

- Tháp kẽm treo số 2:

+ Công nghệ xử lý: Khí thải → Chụp hút → Tháp hấp thụ → Quạt hút →

Ống thoát khí ra môi trường.

- + Công suất thiết kế: 40.000 m³/giờ.
- + Số lượng: 01 hệ thống.
- + Hóa chất sử dụng: NaOH, HCl.

d) Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền mạ Zn-Ni

- Công nghệ xử lý: Khí thải → Chụp hút → Tháp hấp thụ → Quạt hút →

Ống thoát khí ra môi trường.

- + Số lượng: 01 hệ thống.
- + Công suất thiết kế: 42.000 m³/giờ.

+ Hóa chất sử dụng: NaOH, HCl.

e) Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền mạ Crom cứng

- Công nghệ xử lý: Khí thải → Chụp hút → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống thoát khí ra môi trường.

+ Số lượng: 01 hệ thống.

+ Công suất thiết kế: 7.200 m³/giờ.

+ Hóa chất sử dụng: NaOH, HCl.

f) Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền mạ màu (son)

- Công nghệ xử lý: Khí thải → Chụp hút → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống thoát khí ra môi trường.

+ Số lượng: 01 hệ thống.

+ Công suất thiết kế: 6.000 m³/giờ.

+ Hóa chất sử dụng: Không sử dụng.

2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng lắp đặt theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ hàng năm tiến hành bảo dưỡng, thay thế thiết bị liên quan.

- Trường hợp xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại các vị trí xảy ra sự cố để tiến hành kiểm tra. Trường hợp hỏng, tiến hành thay thế, bổ sung trước khi đưa hệ thống hoạt động trở lại.

** Biện pháp phòng ngừa sự cố:*

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Thường xuyên bảo trì các máy móc, thiết bị trong hệ thống theo đúng hướng dẫn của nhà cung cấp.

- Xây dựng phương án ứng phó khi có sự cố xảy ra.

** Biện pháp ứng phó:*

- Trường hợp bụi, khí thải vượt giới hạn cho phép: Người vận hành kiểm tra quy trình vận hành, các thiết bị của hệ thống để xác định nguyên nhân và khắc phục sự cố.

- Tạm dừng hoạt động sản xuất và chỉ hoạt động trở lại sau khi khắc phục xong sự cố, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và hiệu quả.

4. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

4.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Công suất dự kiến đạt được: 80%.

4.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:
 - + 02 hệ thống xử lý khí thải của dây chuyền mạ kẽm treo, công suất 40.000 m³/giờ/hệ thống.
 - + 01 hệ thống xử lý khí thải của công đoạn tiền xử lý hàng xi mạ, công suất 21.600 m³/giờ.
- Vị trí lấy mẫu:
 - + Tại ống thoát khí sau xử lý của tháp kẽm treo số 1.
 - + Tại ống thoát khí sau xử lý của tháp kẽm treo số 2.
 - + Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải công đoạn tiền xử lý hàng xi mạ.
- Tần suất lấy mẫu Thực hiện đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:
 - + Tháp kẽm treo số 1: Lưu lượng; HCl; hơi H₂SO₄.
 - + Tháp kẽm treo số 2: Lưu lượng; Zn.
 - + Hệ thống xử lý khí thải công đoạn tiền xử lý hàng xi mạ: Lưu lượng; HCl.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p= 0,8, K_v= 0,8) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.
- Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình thu gom, xử lý khí thải.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.
- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN,
ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 481 /GP-UBND ngày 18 / 03 /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 1: Từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải công đoạn tiền xử lý hàng xi mạ.

+ Nguồn số 2: Từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải kiềm, axit công suất 10.800 m³/giờ của dây chuyền mạ kẽm quay.

+ Nguồn số 3: Từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải số 1 công suất 40.000 m³/giờ của dây chuyền mạ kẽm treo.

+ Nguồn số 4: Từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải công suất 7.200 m³/giờ của dây chuyền mạ Cr cứng.

+ Nguồn số 5: Từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải công suất 6.000 m³/giờ của dây chuyền mạ màu (sơn).

+ Nguồn số 6: Từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải công suất 42.000 m³/giờ của dây chuyền mạ Zn-Ni.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

TT	Vị trí phát sinh	Tọa độ (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105 ⁰⁰ ', múi chiều 3 ⁰)
1	Vị trí số 1: Từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải công đoạn tiền xử lý hàng xi mạ.	X = 2357645; Y = 564612
2	Vị trí số 2: Từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải kiềm, axit công suất 10.800m ³ /giờ của dây chuyền mạ kẽm quay	X = 2357662; Y = 564584
3	Vị trí số 3: Từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải số 1 công suất 40.000m ³ /giờ của dây chuyền mạ kẽm treo	X = 23577498; Y = 564613
4	Vị trí số 4: Từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải công suất 7.200m ³ /giờ của dây chuyền mạ Cr cứng.	X = 2357739; Y = 564609
5	Vị trí số 5: Từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải công suất 6.000m ³ /giờ của dây chuyền mạ màu (sơn)	X = 2357654; Y = 564630
6	Vị trí số 6: Từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải công suất 42.000m ³ /giờ của dây chuyền mạ Zn-Ni	X = 2357677; Y = 564637

2. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

a) Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

b) Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Thường xuyên bảo dưỡng đảm bảo các máy móc, thiết bị hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 2 Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 481 /GPMT-UBND ngày 18 / 03 /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Lượng phát sinh trung bình (kg/năm)
1	Bóng đèn led thải	Rắn	19 02 05	24
4	Giẻ lau, găng tay dính dầu, dính hóa chất thải	Rắn	18 02 01	1.078
5	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	473
6	Bình ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	10
7	Pin thải	Rắn	19 06 05	5
8	Dầu động cơ, hộp số, dầu bôi trơn, dầu tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	1.100
9	Vỏ thùng đựng hóa chất bằng nhựa	Rắn	18 01 03	3.127
10	Bao bì cứng thải bằng kim loại (Thùng phuy đựng dầu thải, bình áp suất rỗng, vỏ hộp sơn, thùng hóa chất bằng sắt,...)	Rắn	18 01 02	432,5
11	Dung dịch nước tẩy rửa thải có chứa các thành phần nguy hại	Lỏng	07 01 06	98.227
12	Bùn, cặn Niken; bùn, cặn Crom; bùn cặn tổng hợp	Bùn	07 01 05	124.190
13	Các bể mạ, bể chứa hóa chất; xe đẩy dính dầu, dính hóa chất hỏng	Rắn	07 01 10	500
Tổng				229.166,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 34.331 kg/năm. Thành phần bao gồm: Giấy vụn, bìa carton, nhựa, nilon, thùng gỗ phế thải, sắt phế liệu, găng tay, giẻ lau, khẩu trang không dính thành phần nguy hại, vỏ nhựa tách từ móc treo không dính thành phần nguy hại,...

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt: 682 kg/tháng, thành phần gồm: Thực phẩm thừa, túi nilon, vỏ hộp đựng thực phẩm,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

Công ty đã bố trí 01 kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt diện tích 2 m²; 01 kho lưu giữ chất thải thông thường diện tích 6,8 m² và 02 kho lưu giữ chất thải nguy hại với tổng diện tích 47 m².

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với các loại bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất: Được thu gom vào các bao tải.

- Đối với các loại chất thải nguy hại khác: Thu gom vào các thùng chứa bằng nhựa.

2.1.2. Khu lưu chứa:

a) Khu lưu chứa trong nhà: 02 kho lưu chứa có tổng diện tích 47 m² (trong đó kho lưu giữ bùn thải có diện tích 35 m², kho lưu giữ các loại chất thải nguy hại còn lại có diện tích 12 m²).

b) Thiết kế, cấu tạo:

- Đối với kho lưu giữ bùn thải: Kho có kết cấu là tôn múi bao xung quanh, nền láng xi măng, mái khung thép hộp, lợp tôn sóng, có bố trí biển cảnh báo theo đúng quy định. Nền kho láng xi măng và có bố trí gờ chống tràn.

- Đối với kho lưu giữ các loại chất thải nguy hại còn lại: Kho có kết cấu là tôn múi bao xung quanh, nền láng xi măng, mái khung thép hộp, lợp tôn sóng. Nền kho được sơn chống thấm, có bố trí rãnh và hố thu hóa chất trong trường hợp tràn đổ. Bên trong và bên ngoài cửa kho được bố trí biển cảnh báo theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa lưu chứa, bao bì mềm.

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Diện tích khu vực lưu chứa: 01 kho lưu chứa có diện tích 6,8 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có kết cấu là tôn múi bao xung quanh, nền láng xi măng, mái khung thép hộp, lợp tôn sóng, có bố trí biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Phương án xử lý chất thải: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải đi xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng rác bằng nhựa dung tích 80 lít.

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

+ Diện tích khu vực lưu chứa: 01 kho lưu chứa có diện tích 2m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt có kết cấu là tôn múi bao xung quanh, nền láng xi măng, mái khung thép hộp, lợp tôn sóng, có bố trí biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Phương án xử lý chất thải: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải đi xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Hoàn thành hệ thống phòng cháy, chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy;
- Bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị định kỳ, đảm bảo các hệ thống xử lý hoạt động ổn định, liên tục;
- Quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành;
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường;
- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.



PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 481 /GPMT-UBND ngày 18 / 03 /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì theo quy định của pháp luật.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.